

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 395/2019/HS-PT

Ngày 29 - 5 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Phạm Năng Thành

Ông Phan Huy Cương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Mai Chi - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 314/2019/HSPT ngày 07 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị Q và Lê Thị Nh do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HSST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1999; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở Xóm 5, xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; trình độ học vấn không được đi học; nghề nghiệp lao động tự do; con ông Nguyễn Mạnh H và con bà Nguyễn Thị M; tiền án, tiền sự không; bị cáo đầu thú ngày 17/01/2018. Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Thị Nh**, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2001 (khi phạm tội 16 tuổi 4 tháng 15 ngày); nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở hiện nay Xóm 5, xã H, huyện K, tỉnh

Hà Tĩnh; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; trình độ học vấn 9/12; nghề nghiệp lao động tự do; con ông Lê Đức Th và con bà Phạm Thị D; tiền án, tiền sự không; bị cáo đầu thú ngày 22/01/2018. Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nh: Ông Lê Đức Th, sinh năm 1974 (Là bố đẻ của bị cáo Lê Thị Nh); trú tại Xóm 5, xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nh: Bà Phạm Thị Hồng- Luật sư Đoàn luật sư thành phố Hà Nội- Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Q: Bà Phan Thị Thu Trang- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bị hại không kháng cáo: Anh Hà Tuấn L, sinh năm 1991; nơi ĐKNKTT: K6- Hiền Quang- Tam Nông- Phú Thọ; nơi ở hiện nay: Số 52, phố Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:

Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1960; trú tại: Xóm 5, xã H, huyện K, Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận H và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân quận H, Hà Nội thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Q và Lê Thị Nh cùng làm việc tại cửa hàng Vietmart 10K tại số 250 Kim Ngưu, phường Q, quận H, Hà Nội do anh Hà Tuấn L là chủ cửa hàng. Được một thời gian Nh nghỉ việc, còn Q vẫn làm việc tại cửa hàng. Đầu tháng 01/2018, Nh đến ở trọ cùng Q tại số 55 ngõ 325 Kim Ngưu, phường Th, quận H, Hà Nội. Do thiếu tiền chi tiêu sinh hoạt nên Nh và Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong cửa hàng Vietmart 10K. Nh và Q thống nhất Q sẽ tìm cách lấy chìa khóa của cửa hàng đưa cho Nh để Nh mang đi đánh thêm 1 chìa để trộm cắp tài sản. Sáng ngày 06/01/2018, khi đến làm việc tại cửa hàng, do không mở được một bên cánh

cửa nên Q đã hỏi mượn chìa khóa của anh Chu Minh T là người quản lý để mở. Sau đó Q gọi Nh đến lấy chìa khóa mang đi đánh. Sau khi đánh thêm được 01 chìa khóa (tại một cửa hàng chìa khóa ở khu vực cổng trường mầm non Q Mai- hiện chưa xác định được chủ cửa hàng) Nh quay lại trả chìa khóa cho Q rồi đi đến khu đô thị Times City 458 Minh Khai chơi. Tại đây Nh gặp “Linh” là bạn quen ngoài xã hội. Nh rủ Linh cùng đi lấy trộm đồ tại cửa hàng Vietmart 10K, Linh đồng ý. Chiều cùng ngày, Q báo cho Nh biết việc nhân viên cửa hàng Vietmart 10K đi liên hoan, Nh bảo Q cứ đi liên hoan với mọi người để tránh sự nghi ngờ. Khoảng 00 giờ ngày 07/01/2018, Nh cùng Linh đi xe đạp đến cửa hàng Vietmart 10K. Nh dùng chìa khóa đánh thêm trước đó mở cửa và cùng Linh vào lấy trộm tài sản gồm hàng tiêu dùng, mỹ phẩm và 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi lấy được tài sản Linh cầm một số tài sản lấy được bỏ đi, còn Nh mang số tài sản lấy được về phòng trọ. Nh và Q thống nhất để lại một ít ở phòng trọ để sử dụng chung, còn lại chia đôi. Phần của Q, Q nhờ Nh mang ra bến xe khách nước ngầm gửi xe ô tô mang về quê cho gia đình. Đối với số tiền 750.000 đồng, Nh chia cho Q 200.000 đồng nhưng do Q còn nợ tiền của Nh từ trước nên Q lại trả lại cho Nh 200.000 đồng, Nh cầm và sử dụng hết.

Ngày 16/1/2018, anh Hà Tuấn L có đơn trình báo về việc cửa hàng của anh bị mất trộm nhiều tài sản, tổng trị giá khoảng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nhưng không có hóa đơn chứng từ để chứng minh.

Ngày 17/01/2018, Q ra đầu thú và giao nộp lại số tài sản đã lấy trộm cho Cơ quan điều tra gồm: 01 ga trải giường màu xanh, 01 hộp phấn kẻ mắt nhãn hiệu Mac, 01 hộp kem đánh răng nhãn hiệu Colgate Sensiting, 02 hộp kem trắng da nhãn hiệu POND’S, 01 tuýp kem sữa nhãn hiệu POND’S, 01 hộp phấn mắt nhãn hiệu LED, 03 thỏi son nhãn hiệu 3CE, 01 thỏi son nhãn hiệu Mac, 01 lọ keo dán mi nhãn hiệu EYECREAM, 01 lọ sữa làm trắng nhãn hiệu DP-Angel, 01 bút bi màu vàng.

Ngoài ra bố đẻ của Q là ông Nguyễn Mạnh H (sinh năm 1960, HKTT: xóm 5 xã H, Hương Khê, Hà Tĩnh) giao nộp số tài sản Q đã nhờ Nh gửi về quê gồm: 01

chăn lông màu đỏ, 01 chăn lông có đốm trắng, 02 hộp POND'S, 01 hộp phấn trắng MADE IN KOREA, 01 hộp phấn nhãn hiệu IOPE, 02 hộp son nhãn hiệu Mistine, 02 thỏi son nhãn hiệu Etude House, 02 thỏi son nhãn hiệu Wod, 01 thỏi son nhãn hiệu Mac, 01 thỏi son Nars, 01 thỏi son nhãn hiệu Style Nanda, 01 thỏi son nhãn hiệu Tutu, 01 thỏi son nhãn hiệu Lacoste, 01 thỏi son nhãn hiệu Kate, 01 thỏi son nhãn hiệu Aloevera.

Ngày 22/01/2018, Lê Thị Nh ra đầu thú và giao nộp cho cơ quan điều tra: 04 lọ dầu gội Clear, 02 lọ dầu gội Romano, 01 lọ sữa tắm Gervenne, 01 lọ dầu xả Snilk, 01 lọ dầu gội X-men, 01 lọ dầu gội Dove, 01 lọ sữa dưỡng thể Vaseline, 01 lọ dầu gội Enchenter, 02 lọ kem chống nắng Face, 01 lọ kem chống nắng Innisfreset, 02 lọ kem nhãn hiệu Pure block, 02 lọ kem chống nắng Dabo, 01 lọ kem chống nắng Nga Klen, 01 lọ kem chống nắng Cathy, 01 lọ thảo dược Serium, 01 túi đắp mặt nhãn hiệu bà già, 02 lọ tinh dầu nhãn hiệu O'well, 01 lọ nước hoa Enchenter, 05 hộp phấn nhãn hiệu Max, 02 hộp phấn nhãn hiệu Nakool4, 01 hộp phấn nhãn hiệu Karadum, 01 lọ phấn nước Ve88, 01 hộp phấn Aprilskin, 01 hộp son nhãn hiệu Bia3, 01 hộp son 3CE, 06 thỏi son hiệu Nars, 07 thỏi son 3CE, 97 (chín mươi bảy) thỏi son các loại, 01 chăn màu tím.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ của Lê Thị Nh 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Coolpad màu vàng (đồng). Đối với chiếc điện thoại di động mà Q sử dụng để gọi cho Nh và chiếc xe đạp Nh sử dụng để chở đồ trộm cắp về phòng trọ là của Q, do sơ suất Q làm mất ở đâu, thời gian nào Q không nhớ rõ nên không thu hồi được.

Ngày 06/6/2018, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định số tài sản đã thu giữ của Nh và Q.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự Công an quận H, Hà Nội
kết luận: Tổng trị giá tài sản các bị cáo trộm cắp là 7.013.000 đồng.

Anh Hà Tuấn L đã được Cơ quan Điều tra Công an quận H trao trả số tài sản thu được. Đối với số tài sản không thu hồi được và số tiền 750.000 đồng bị mất anh Linh không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HSST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố: Nguyễn Thị Q, Lê Thị Nh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Q 10 (*mười*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 90, Điều 91; khoản 1 Điều 101; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 1, Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Xử phạt: Lê Thị Nh 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nh cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Q và bị cáo Nh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/3/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội có kháng nghị số 04/KN/VKS-HS đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo và xử phạt các bị cáo mức án theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tại phiên tòa.

Ngày 01/4/2019, bị cáo Nguyễn Thị Q có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sửa một phần nội dung kháng nghị, cụ thể áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù đối với hai bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo Nh thành khẩn nhận tội, chỉ đề nghị xem xét khoan hồng cho bị cáo vì bị cáo lúc phạm tội còn là vị thành niên, nhận thức pháp luật có mức độ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Q trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sửa một phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H cụ thể sửa về mức hình phạt đối với hai bị cáo, xử các bị cáo mức án thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H đề nghị tại phiên tòa sơ thẩm và cho các bị cáo được hưởng án treo. Do đó, căn cứ Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị chấp nhận thay đổi một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị cáo; lời khai của người bị hại, lời khai của những người liên quan; kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác có trong

hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Do thiếu tiền chi tiêu sinh hoạt, Lê Thị Nh và Nguyễn Thị Q đã bàn nhau trộm cắp tài sản tại cửa hàng của anh Hà Tuấn L mà Q đang bán hàng thuê cho anh Linh. Hai bị cáo đã bàn bạc Q là người lấy chìa khóa đưa cho Nh để Nh đánh thêm chìa khóa để tiện cho việc lấy trộm và thông báo cho Nh lúc thời điểm nhân viên cửa hàng đi liên hoan để Nh vào lấy trộm. Hành vi trên của các bị cáo là hành vi trộm cắp có tổ chức, nhưng bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là không đúng. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo nên đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q 10 tháng tù , bị cáo Lê Thị Nh 09 tháng tù là chưa tương xứng với vai trò, tính chất hành vi của từng bị cáo. Do tại phiên tòa, bị cáo Q xuất trình tài liệu, theo đó bị cáo đã khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hiện nay bị cáo đang mang thai nên có thể xem xét cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Từ nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Q mức án từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 36 đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Áp dụng thêm các Điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nh mức án từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Q trình bày bản luận cứ cho rằng: Về tội danh và điều luật áp dụng, luật sư không có ý kiến gì, chỉ đề nghị Hội đồng xem xét cho bị cáo một số tình tiết sau đây để khoan hồng cho bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo không có tính tổ chức, bởi lẽ: Bị cáo Q do hoàn cảnh quá khó khăn, không có điều kiện đi học; bị cáo Nh lúc phạm tội là vị thành niên nên

nhận thức pháp luật và nhận thức xã hội của hai bị cáo bị hạn chế; việc các bị cáo bàn lấy chìa khóa của cửa hàng đi đánh thêm một chìa để có cơ hội vào trộm cắp đây chỉ là thủ đoạn phạm tội; với khả năng nhận thức của các bị cáo thì hành vi của các bị cáo không thể hiện có sự cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cụ thể của từng người. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng. Bị cáo phạm tội có mức độ, tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo, tài sản chiếm đoạt không lớn; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, nộp lại tài sản trộm cắp và bồi thường cho bị hại; thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo; bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 155; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 173; các điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt 10 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị Nh trình bày bản luận cứ: Về tội danh và điều luật áp dụng, mức hình phạt nhất trí với bản án sơ thẩm. xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 2 Điều 137 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với các bị cáo, tăng hình phạt và không cho bị cáo được hưởng án treo là không có cơ sở và không đúng pháp luật về đường lối xét xử đối với người phạm tội là vị thành niên, bởi lẽ: Các bị cáo trước khi phạm tội tuy có bàn bạc nhưng sự bàn bạc này không thể hiện có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc lấy chìa khóa của cửa hàng đi đánh thêm chìa để có điều kiện vào lấy trộm tài sản khi có cơ hội. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Bị cáo tuy là người

khởi xương và trực tiếp vào trộm cắp tài sản nhưng xét số tài sản chiếm đoạt không lớn (7.013.000 đồng); sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú trả lại tài sản trộm cắp và bồi thường cho bị hại; thái độ khai báo thành khẩn; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; lúc phạm tội bị cáo còn là vị thành niên nên nhận thức pháp luật có mức độ; gia đình bị cáo là người có công với cách mạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 9 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là đúng pháp luật về đường lối xét xử đối với người phạm tội là vị thành niên. Từ phân tích trên, đề nghị bác kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Q trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội thay đổi một phần nội dung kháng nghị liên quan đến biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù. Xét thấy, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội thay đổi một phần nội dung của kháng nghị không làm xấu đi tình trạng của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, nên căn cứ Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận thay đổi một phần kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của cả bị cáo; lời khai của người bị hại, lời khai của những người liên quan; kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Do thiếu tiền chi tiêu sinh hoạt, lợi dụng sự sơ hở của chủ cửa hàng, Lê Thị Nh và Nguyễn Thị Q đã bàn bạc trộm cắp các tài

sản là đồ gia dụng, mỹ phẩm... tại cửa hàng Vietmart 10K nơi bị cáo Q đang làm việc. Để vào cửa hàng lấy được tài sản, các bị cáo bàn bạc lấy trộm chìa khóa của cửa hàng đi đánh thêm một chìa để khi nào có điều kiện thì thực hiện việc trộm cắp. Tối ngày 06/1/2018, Nguyễn Thị Q thông báo cho Lê Thị Nh biết nhân viên của hàng nghỉ đi đi liên hoan. Khoảng 0 giờ ngày 07/1/2018, Lê Thị Nh đã rủ đối tượng tên là Linh (quen ngoài xã hội, không biết địa chỉ, nơi cư trú) đến cửa hàng Vietmart 10K để trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản là 7.013.000 đồng. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn Thủ đô. Các bị cáo biết rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội nên cần có mức hình phạt đủ nghiêm nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và ngừa tội phạm chung chung.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội, thấy: Bị cáo Q do hoàn cảnh khó khăn không được đi học; bị cáo Nh lúc phạm tội là vị thành niên nên các bị cáo nhận thức pháp luật và nhận thức xã hội có mức độ; do cuộc sống quá khó khăn, từ quê Hà Tĩnh ra Hà Nội chưa kiếm được công ăn việc làm nên bị cáo Nh có bàn với bị cáo Q lấy trộm một số mỹ phẩm của cửa hàng nơi Q đang làm việc để tiêu dùng; việc bàn bạc lấy chìa khóa cửa hàng để đi đánh thêm một chìa hoặc việc bị cáo Q thông báo thời điểm nhân viên của cửa hàng không có mặt ở cửa hàng chỉ là thủ đoạn phạm tội của hai bị cáo trong vụ án đồng phạm mang tính nhất thời, giản đơn; giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công công việc cụ thể của từng người với nhau; quy mô và tính chất của hành động chưa đủ cấu thành tội phạm có tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Khi quyết

định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, như: Tài sản trộm cắp giá trị không lớn, sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú, nộp lại số tài sản đã trộm cắp; thái độ khai báo thành khẩn, ăn ănhối cải về hành vi phạm tội của mình; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tuy bị cáo Nh là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Q phạm tội nhưng lúc phạm tội bị cáo là vị thành niên, nên nhận thức pháp luật có mức độ, gia đình có công với cách mạng, bản thân bị cáo đang mang thai, nên đã xử phạt bị cáo Q 10 tháng tù, bị cáo Nh 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là đúng, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H về việc yêu cầu xét xử các bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với hai bị cáo.

Xét kháng cáo của bị cáo Q thì thấy: Bị cáo phạm tội có mức độ, tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, là người bị rủ rê lôi kéo và không trực tiếp lấy tài sản; tài sản trộm cắp có giá trị không lớn (7.013.000 đồng). Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, như: sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú giao nộp lại tài sản trộm cắp để trả lại cho người bị hại và nộp tiền khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn ănhối cải về hành vi phạm tội của mình; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, túng thiếu, không được đi học nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu theo đó bị cáo hiện đang mang thai. Bị hại anh Hà Tuấn L đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo Q có đủ điều kiện để được hưởng án treo, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hại gì cho xã hội. Từ phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu

cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Q và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a (đối với bị cáo Nh), điểm b (đối với bị cáo Q) khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 (đối với bị cáo Q) Bộ luật Tố tụng hình sự,

Sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm, xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Q 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 90, Điều 91; khoản 1 Điều 101; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 1, Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Nh 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nh cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Q và Lê Thị Nh không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 29/5/2019.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa